

CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC LUÂN CHUYỂN CAMPUS

QUI ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HÌNH THỨC XÉT TUYỂN XÉT TUYỂN 06 HỌC KỲ DÀNH CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT

1. Qui ước viết tắt và công thức:

- Điểm trung bình môn học ở học kỳ thứ n: **ĐTBmh HKn** (với n từ 1→6, tương ứng 06 học kỳ: 2 học kỳ Lớp 10, lớp 11, lớp 12);
- Điểm trung bình 06 học kỳ của môn học (làm tròn đến 2 chữ số thập phân);
ĐTB06HK môn học = [ĐTBmh HK1 môn học + ĐTBmh HK2 môn học + ĐTBmh HK3 môn học + ĐTBmh HK4 môn học + ĐTBmh HK5 môn học + ĐTBmh HK6 môn học]/6;
- **Điểm xét tuyển 06 Học kỳ (ĐXT-06HK):** là Tổng điểm trung bình 06 học kỳ của các môn theo Tổ hợp xét tuyển; nhân hệ số (nếu có); cộng với điểm ưu tiên theo trường THPT và cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có);
Thang điểm xét tuyển là thang **40 điểm**, làm tròn đến **02 chữ số thập phân**;
 - + Trong đó, Điểm ưu tiên theo trường THPT do TDTU qui định (trường chuyên/năng khiếu được cộng **2,0**; trường trọng điểm được cộng **1,0**); Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực bằng 4/3 lần điểm ưu tiên theo qui định của Bộ GD&ĐT, cụ thể được qui định tại Bảng 7;
 - + Danh sách trường chuyên/năng khiếu, trường trọng điểm được cộng điểm ưu tiên công bố tại <http://admission.tdtu.edu.vn>.

Thí dụ : Điểm xét tuyển 06 học kỳ theo tổ hợp Văn, Toán, Anh (2) [Môn tiếng Anh được tính Hệ số 2] của thí sinh thuộc trường THPT không có điểm ưu tiên:

Môn	ĐTBmh HK1 Lớp 10	ĐTBmh HK2 Lớp 10	ĐTBmh HK1 Lớp 11	ĐTBmh HK2 Lớp 11	ĐTBmh HK1 Lớp 12	ĐTBmh HK2 Lớp 12	ĐTB- 06HK
Toán	7,8	7,9	7,9	8,0	8,1	8,3	8,00
Văn	7,0	7,3	7,4	7,5	7,6	7,8	7,43
Anh (hệ số 2)	8,0	8,3	7,9	8,0	8,3	8,4	8,15
ĐXT-06HK = 8,00 + 7,43 + 8,15 x2							31,73

ĐTB-06HK Toán = (7,8+7,9+7,9+8,0+8,1+8,3)/6 = 8,00; tương tự tính các môn Văn, Anh.

2. Nguyên tắc xét tuyển:

Xét theo mức Điểm xét tuyển ĐXT-06HK từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu từng ngành của hình thức này. Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng mức ĐXT-06HK, TDTU sẽ ưu tiên xét theo ĐTB06HK-tiếng Anh từ cao xuống thấp.

Mỗi thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng xét tuyển theo thứ tự ưu tiên. Thí sinh đạt nguyện vọng 1 sẽ không được xét nguyện vọng 2.

Bảng 7: Phụ lục về Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực

Khu vực/ Đối tượng	Điểm cộng theo qui định của Bộ GD&ĐT (thang điểm 30)	Điểm cộng xét theo thang điểm 40
Khu vực 1	0,75	1,00
Khu vực 2 NT	0,50	0,67
Khu vực 2	0,25	0,33
Khu vực 3	0,00	0,00
Đối tượng: 01,02,03,04	2,00	2,67
Đối tượng: 05,06,07	1,00	1,33